

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành áp dụng hệ thống tài liệu nội bộ trong hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động hành chính của UBND xã Linh Trường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LINH TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCHN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước;*

*Xét đề nghị của Công chức Văn phòng – Thống kê.*

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này “Danh mục tài liệu nội bộ thuộc hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND xã Linh Trường”.

**Điều 2.** Giao cho Ban chỉ đạo xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 chịu trách nhiệm tổ chức triển khai áp dụng và theo dõi, giám sát, kiểm tra để đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu quy định.

Tất cả các cán bộ, công chức, người lao động của UBND xã Linh Trường chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo các quy trình xử lý công việc đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban chỉ đạo ISO xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, Ban ISO.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Truyền**

**DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ HTQLCL THEO TCVN ISO 9001:2015  
CỦA UBND XÃ LINH TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND xã Linh Trường về việc ban hành áp dụng Hệ thống tài liệu nội bộ trong HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động hành chính của UBND xã Linh Trường)*

<b>STT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã hiệu</b>
1.	Mô hình HTQLCL	MHHT
2.	Chính sách chất lượng	CSCL
3.	Mục tiêu chất lượng	MTCL
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT HT-01
5.	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT HT-02
6.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT HT-03
7.	Quy trình kiểm soát rủi ro và cơ hội	QT HT-04
8.	Quy trình họp xem xét của Lãnh đạo	QT HT-05
9.	Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT VP-01
10	Quy trình giải quyết hồ sơ theo cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”	QT VP-02
11	Quy trình đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT NCN-01
12	Quy trình đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT NCN-02
13	Quy trình giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT NCN-03
14	Quy trình đăng ký khai sinh	QT TP-01
15	Quy trình đăng ký kết hôn	QT TP-02
16	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT TP-03
17	Quy trình đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT TP-04
18	Quy trình đăng ký khai tử	QT TP-05
19	Quy trình đăng ký khai sinh lưu động	QT TP-06
20	Quy trình đăng ký kết hôn lưu động	QT TP-07
21	Quy trình đăng ký khai tử lưu động	QT TP-08
22	Quy trình đăng ký giám hộ	QT TP-09
23	Quy trình đăng ký chấm dứt giám hộ	QT TP-10

24	Quy trình thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT TP-11
25	Quy trình cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT TP-12
26	Quy trình đăng ký lại khai sinh	QT TP-13
27	Quy trình đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT TP-14
28	Quy trình đăng ký lại kết hôn	QT TP-15
29	Quy trình đăng ký lại khai tử	QT TP-16
30	Quy trình cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT TP-17
31	Quy trình đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT TP-18
32	Quy trình đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT TP-19
33	Quy trình đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT TP-20
34	Quy trình đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT TP-21
35	Quy trình đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT TP-22
36	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT TP-23
37	Quy trình chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT CT-01
38	Quy trình chứng thực chữ ký, điểm chỉ	QT CT-02
39	Quy trình chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT CT-03
40	Quy trình sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT CT-04
41	Quy trình cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT CT-05
42	Quy trình chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT CT-06
43	Quy trình húng thực di chúc	QT CT-07
44	Quy trình húng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT CT-08
45	Quy trình húng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT CT-09
46	Quy trình húng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động	QT CT-10

	sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
47	Quy trình cấp bản sao từ sổ gốc	QT CT-11
48	Quy trình thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT GDĐT-01
49	Quy trình cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT GDĐT-02
50	Quy trình sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT GDĐT-03
51	Quy trình giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT GDĐT-04
52	Quy trình cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT GDĐT-05
53	Quy trình xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT BTXH-01
54	Quy trình đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT BTXH-02
55	Quy trình thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT BTXH-03
56	Quy trình hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT BTXH-04
57	Quy trình trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QT BTXH-05
58	Quy trình trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT BTXH-06
59	Quy trình xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016 - 2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT BTXH-07
60	Quy trình đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT BTXH-08
61	Quy trình công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	QT BTXH-09
62	Quy trình công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT BTXH-10
63	Quy trình thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT BTXH-11
64	Quy trình thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT BTXH-12
65	Quy trình hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần	QT BTXH-13

	bảo vệ khẩn cấp	
66	Quy trình tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT BTXH-14
67	Quy trình tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	QT BTXH-15
68	Quy trình tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT BTXH-16
69	Quy trình xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ, đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	QT NCC-01
70	Quy trình ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	QT NCC-02
71	Quy trình hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT NCC-03
72	Quy trình giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	QT NCC-04
73	Quy trình giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	QT NCC-05
74	Quy trình giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT NCC-06
75	Quy trình giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT NCC-07
76	Quy trình giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT NCC-08
77	Quy trình giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT NCC-09
78	Quy trình giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT NCC-10
79	Quy trình giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT NCC-11
80	Quy trình giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT NCC-12
81	Quy trình bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT NCC-13
82	Quy trình thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT NCC-14
83	Quy trình xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước	QT NCC-15

	không còn giấy tờ	
84	Quy trình mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QT NCC-16
85	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT NCC-17
86	Quy trình thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QT NCC-18
87	Quy trình giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT NCC-19
88	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam-pu-chia	QT NCC-20
89	Quy trình hòa giải tranh chấp đất đai	QT ĐĐ-01
90	Quy trình tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT MT-01
91	Quy trình xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa hàng năm	QT GD-01
92	Quy trình xét tặng giấy khen gia đình văn hóa	QT GD-02
93	Quy trình công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	QT TDDT-01
94	Quy trình đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	QT TV-01
95	Quy trình tiếp công dân	QT TCD-01
96	Quy trình xử lý đơn	QT XLD-01
97	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu	QT KN-01
98	Quy trình giải quyết tố cáo	QT TC-01
99	Quy trình đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT TG-01
10	Quy trình đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT TG-02
10	Quy trình đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT TG-03
10	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT TG-04
10	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT TG-05

10	Quy trình đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT TG-06
10	Quy trình đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT TG-07
10	Quy trình đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT TG-08
10	Quy trình thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT TG-09
10	Quy trình thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT TG-10
10	Quy trình tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT TĐKT-01
11	Quy trình tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT TĐKT-02
11	Quy trình tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT TĐKT-03
11	Quy trình tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT TĐKT-04
11	Quy trình tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT TĐKT-05
11	Quy trình công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT PL-01
11	Quy trình cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT PL-02
11	Quy trình công nhận hòa giải viên	QT PL-03
11	Quy trình ông nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT PL-04
11	Quy trình thôi làm hòa giải viên	QT PL-05
11	Quy trình thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT PL-06
12	Quy trình bầu hòa giải viên	QT PL-07
12	Quy trình bầu tổ trưởng tổ hòa giải	QT PL-08
12	Quy trình thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT TL-01
12	Quy trình thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT TL-02
12	Quy trình thông báo tổ chức lễ hội	QT LH-01
12	Quy trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT PCTT-01

12	Quy trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT PCTT-02
12	Quy trình đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung ban đầu	QT PCTT-03
12	Quy trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT TT-01
12	Quy trình nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	QT TT-02
13	Quy trình xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT SH-01
13	Quy trình đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT TE-01
13	Quy trình thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT TE-02
13	Quy trình chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT TE-03
13	Quy trình thông báo thành lập tổ hợp tác	QT THT-01
13	Quy trình thông báo thay đổi tổ hợp tác	QT THT-02
13	Quy trình thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT THT-03
13	Quy trình quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QT TNXH-01
13	Quy trình quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QT TNXH-02
13	Quy trình hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT TNXH-03
14	Quy trình công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT CSDT-01
14	Quy trình đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT CSDT-02